

Số: 46 /KH-UBND

Lâm Bình, ngày 16 tháng 4 năm 2018

KẾ HOẠCH

Kiểm tra chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn huyện năm 2018

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch Kiểm tra chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn huyện năm 2018, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Qua kiểm tra đánh giá đúng thực trạng công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư, làm rõ những ưu điểm, tồn tại trong công tác quản lý đầu tư xây dựng.

- Xác định trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng đối với các vi phạm (nếu có) để xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản, khai thác sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở hoặc quyết định thanh tra toàn diện dự án, đình chỉ thi công xây dựng, kiến nghị cấp có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động nếu phát hiện có sai phạm lớn; nhằm quản lý chặt chẽ chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

2. Yêu cầu: Công tác kiểm tra được thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật, đảm bảo chặt chẽ, chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị được kiểm tra. Việc kiểm tra thực hiện theo các quy định hiện hành, đúng trình tự quy định.

II. NỘI DUNG

1. Nội dung kiểm tra

- Kiểm tra việc chấp hành một số nội dung quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng:

- Luật Xây dựng năm 2014, Luật Đầu tư công năm 2014, Luật Đầu thầu năm 2013.

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015, Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ.

- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Kiểm tra hiện trường: Kiểm tra tại hiện trường công trình về tiến độ, thực tế thi công so với hồ sơ thiết kế được duyệt; kiểm tra vật liệu xây dựng, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ...

III. Thời gian và đối tượng kiểm tra

1. Thời gian

- Ủy ban nhân dân huyện thành lập Đoàn kiểm tra để kiểm tra chuyên đề từ ngày 01/5/2018 đến 01/7/2018.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng kiểm tra thường xuyên theo tiến độ, chất lượng, các biện pháp an toàn, phòng chống cháy nổ, bố trí máy móc, thiết bị, nhân công,... từng công trình.

2. Đối tượng kiểm tra: Chủ đầu tư, đại diện Chủ đầu tư các công trình xây dựng trên địa bàn huyện.

IV. Phương pháp kiểm tra

1. Ủy ban nhân dân huyện thành lập Đoàn kiểm tra để kiểm tra theo chuyên đề, đồng thời giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng kiểm tra thường xuyên trong năm 2018.

2. Đối với công tác kiểm tra theo chuyên đề thực hiện theo các bước sau:

- Bước 1: Chủ đầu tư (Ban Quản lý xây dựng cơ bản huyện, Ủy ban nhân dân xã) tổng hợp các công trình thực hiện đầu tư xây dựng trong năm 2017 - 2018 (bao gồm các công trình đã thực hiện xong, các công trình chuẩn bị đầu tư) báo cáo gửi về Ủy ban nhân dân huyện qua Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 2: Trên cơ sở báo cáo của Chủ đầu tư. Đoàn kiểm tra của huyện tiến hành lựa chọn công trình kiểm tra, xây dựng lịch kiểm tra, thông báo đến các Chủ đầu tư để chuẩn bị hồ sơ, tài liệu... phục vụ công tác kiểm tra.

- Bước 3: Kiểm tra báo cáo chất lượng công trình và hồ sơ từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến giai đoạn hoàn thành công trình đưa vào sử dụng và thanh toán, quyết toán vốn, bảo hành, bảo trì công trình của các Chủ đầu tư. Kiểm tra

thực tế tại công trình xây dựng và lập biên bản kiểm tra thực tế tại công trình xây dựng và lập biên bản kiểm tra hiện trường.

- Bước 4: Tổng hợp, tổ chức công bố dự thảo thông báo, ban hành thông báo kết quả kiểm tra bằng văn bản trong thời gian 20 ngày sau khi kết thúc kiểm tra. Kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm sau kiểm tra (nếu có).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Tham mưu Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn huyện năm 2018, hoàn thành trong tháng 4 năm 2018.

- Định kỳ hàng quý tổng hợp kiểm tra, báo cáo đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện phụ trách khối theo quy định hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

2. Ban Quản lý xây dựng cơ bản huyện, Ủy ban nhân dân xã có công trình xây dựng được kiểm tra có trách nhiệm phối hợp tạo điều kiện để Đoàn kiểm tra của huyện hoàn thành nhiệm vụ; chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan; phân công lãnh đạo phụ trách, cán bộ chuyên môn và mời đơn vị tham gia hoạt động xây dựng công trình kiểm tra làm việc với Đoàn kiểm tra khi yêu cầu.

3. Kết thúc công tác kiểm tra, Đoàn kiểm tra của huyện làm việc với các đơn vị về kết quả kiểm tra, xây dựng dự thảo kết luận kiểm tra, tổ chức công bố dự thảo kết luận kiểm tra trước khi trình ký ban hành.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn huyện năm 2018. Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận: 

- Sở Xây dựng;
- Thường trực Huyện ủy; | (báo cáo)
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Chánh VP, Phó CVP HĐND và UBND huyện;
- Cổng Thông tin điện tử huyện;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng; | (thực hiện)
- Ban QLXDCB;
- UBND xã;
- Lưu: VP. **16**

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Văn Hiền

ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH
(Kèm theo Kế hoạch số: 46 /KH-UBND ngày 16/4/2018
của Ủy ban nhân dân huyện Lâm Bình)

A. NỘI DUNG KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH:

I. Kiểm tra hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng của chủ đầu tư, bao gồm:

1. Hồ sơ pháp lý

1.1. Văn bản chủ trương đầu tư; Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền; kết quả thẩm định báo cáo Kinh tế kỹ thuật (kèm theo hồ sơ) của các cơ quan liên quan; quyết định phê duyệt quyết toán công trình, hạng mục công trình (nếu có).

1.2. Nhiệm vụ thiết kế, khảo sát xây dựng, phương án khảo sát xây dựng; quyết định phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, khảo sát xây dựng và phê duyệt phương án khảo sát xây dựng; hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất công trình; nhật ký giám sát công tác khảo sát (nếu có) và biên bản nghiệm thu khảo sát giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

1.3. Các tài liệu chứng minh điều kiện, năng lực của nhà thầu: Khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, giám sát thi công, quản lý dự án...(hồ sơ năng lực kinh nghiệm, đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề của tổ chức, cá nhân...).

1.4. Công tác chọn nhà thầu: Kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, tổ chuyên gia, hồ sơ dự thầu, kết quả trúng thầu (hoặc chỉ định thầu) của cấp có thẩm quyền đối với tổ chức: khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, tư vấn giám sát...

1.5. Hợp đồng, thương thảo hợp đồng của chủ đầu tư với các nhà thầu thực hiện: khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, tư vấn giám sát...

2. Tài liệu quản lý chất lượng

2.1. Kiểm tra biên bản bàn giao mặt bằng xây dựng; điều kiện khởi công xây dựng công trình.

2.2. Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng.

2.3. Kiểm tra việc lập và ghi nhật ký thi công của nhà thầu thi công xây dựng, nhật ký giám sát của chủ đầu tư.

2.4. Kiểm tra biên bản nghiệm thu vật liệu xây dựng, chứng chỉ, chứng nhận vật liệu đầu vào, phiếu thí nghiệm vật liệu, cầu kiện vật tư thiết bị...trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình theo tiêu chuẩn và yêu cầu thiết kế.

2.5. Kiểm tra việc lập, phê duyệt biện pháp tổ chức thi công, tiến độ thi công của nhà thầu; các cam kết của nhà thầu trong quá trình thi công so với hồ sơ dự thầu (hoặc hồ sơ đề xuất) và hợp đồng xây dựng.

2.6. Các biên bản nghiệm thu chuyển bước thi công xây dựng; biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận, giai đoạn thi công xây dựng (kèm theo các bản vẽ hoàn công bộ phận, giai đoạn thi công xây dựng, khối lượng thanh toán, tạm ứng).

2.7. Kiểm tra kết quả kiểm định, thí nghiệm vật liệu, cấu kiện đã thi công (kết quả kiểm định mẫu tại hiện trường) như bê tông, bê tông cốt thép móng, cọc, cột, đầm, sàn; khối xây, độ chặt nền đất...)

2.8. Kiểm tra biên bản lấy mẫu thí nghiệm tại hiện trường, kết quả kiểm định chất lượng vật liệu, cấu kiện xây dựng...biên bản, hồ sơ xử lý kỹ thuật, thay đổi, bổ sung thiết kế, biên bản nghiệm thu, xử lý tăng giảm khối lượng (nếu có).

2.9. Kiểm tra biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn; nghiệm thu hạng mục công trình hoặc công trình đưa vào sử dụng.

2.10. Kiểm tra hồ sơ hoàn công giai đoạn, hạng mục công trình.

II. KIỂM TRA TẠI HIỆN TRƯỜNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Kiểm tra việc tổ chức thi công, kế hoạch tiến độ thi công xây dựng việc niêm yết biển bảo, nội quy an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trên công trường.

2. Kiểm tra việc thực hiện biện pháp an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ trong quá trình xây dựng công trình theo cam kết hồ sơ dự thầu và phương án được duyệt.

3. Kiểm tra quy cách, kích thước hình học và cấu tạo các chi tiết kiến trúc, kết cấu.

4. Kiểm tra việc tuân thủ các quy định, trình tự thi công, xây lắp theo các tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.

5. Kiểm tra việc bố trí máy móc, thiết bị, phương tiện, nhân lực thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu so với hồ sơ dự thầu và biện pháp, kế hoạch thi công được duyệt.

B. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Kiểm tra hồ sơ, tài liệu công trình (theo mục I nêu trên).

2. Kiểm tra thực tế tại hiện trường (theo mục II nêu trên).

Kiểm tra bằng phương pháp đối chiếu các vật liệu đưa vào công trình so với thiết kế được duyệt, tiêu chuẩn kỹ thuật và xuất xưởng của nhà sản xuất. Trong quá trình kiểm tra nếu thấy nghi ngờ về chất lượng công trình, sẽ yêu cầu chủ đầu tư và các bên liên quan làm rõ. Trong trường hợp cần thiết, Tổ công tác đề nghị Chủ đầu tư thuê đơn vị kiểm định độc lập để kiểm định lại chất lượng công trình để có đủ căn cứ kết luận về chất lượng công trình.

**PHỤ LỤC NỘI DUNG KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM 2018**

(Kèm theo Kế hoạch số 46 /KH-UBND ngày 16/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

Số TT	Tên văn bản	Ghi chú
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	
1	Quyết định giao vốn	
2	Báo cáo kết quả thẩm định đề xuất chủ trương ĐTXD công trình	
3	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình	
4	Quyết định thành lập Ban Quản lý công trình	
5	Đề cương nhiệm vụ và dự toán khảo sát, thiết kế	
6	Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ và dự toán chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật.	
7	Báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ và dự toán chi phí khảo sát lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	
8	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí khảo sát lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	
9	Tờ trình nghị thẩm định Kế hoạch đấu thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật	
10	Báo cáo kết quả thẩm định Kế hoạch đấu thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật	
11	Quyết định phê duyệt Kế hoạch đấu thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật	
12	Thư mời thầu TV TK	
13	Biên Bản Thương thảo hợp đồng Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật	
14	Tờ trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật	
15	Quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật	
16	Thông báo trúng thầu TVTK	
17	Ký hợp đồng Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật	
18	Biên Bản nghiệm thu khảo sát tại hiện trường	
19	Biên Bản nghiệm thu hồ sơ báo cáo khảo sát	
20	Tờ trình thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình	Lần 1
21	Báo cáo thẩm định báo cáo KT-KT	
22	Tờ trình thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình	Lần 2
23	Báo cáo rà soát báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình	
24	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình	
26	Biên bản nghiệm thu báo cáo KTKT	
27	Tờ trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công XD và giám sát thi công XD công trình	
28	Báo cáo kết quả thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công XD và giám sát thi công XD công trình	
29	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thi công XD và giám sát thi công XD công trình	
30	Hồ sơ mời thầu xây lắp	
31	Tờ trình thẩm định HSMT xây lắp	
32	Báo cáo kết quả thẩm định HSMT xây lắp	
33	Quyết định phê duyệt HSMT xây lắp	
34	Tờ trình thành lập tổ chuyên gia chấm thầu gói thầu thi công XDCT	
35	Quyết định thành lập tổ chuyên gia chấm thầu	
36	Bán HSMT	

37	Biên bản đóng thầu
38	Biên bản mở thầu
39	Báo cáo Chấm thầu
40	Thư mời thương thảo HĐ xây lắp
41	Biên Bản Thương thảo hợp đồng thi công xây dựng
42	Tờ trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công Xây dựng
43	Báo cáo thẩm định kết quả LCNT thi công
44	Thư mời thầu giám sát
45	Thương thảo HĐ Tư vấn giám sát
46	Tờ trình phê duyệt kết quả chỉ thầu Tư vấn giám sát
47	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thi công Xây lắp + TV giám sát
48	Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng Thi công + Thông báo trúng thầu xây lắp
49	Thông báo trúng thầu Giám sát
50	Hợp đồng thi công XDCT + HĐ Giám sát
51	Thông báo khởi công công trình
II KHỞI CÔNG	
1	BB kiểm tra điều kiện khởi công
2	BB bàn giao mặt bằng
3	Biên bản nghiệm thu vật liệu đầu vào, các chứng chỉ, xuất xứ, nhãn mác hàng hóa, thử nghiệm, giấy tờ liên quan đến vật liệu đưa vào xây dựng
4	Hồ sơ của nhà thầu thi công: HS quản lý chất lượng, biểu tiến độ thi công, QĐ thành lập BCH công trường, ...
5	Hồ sơ của nhà thầu giám sát: QĐ bổ nhiệm CB GS.
6	Hồ sơ thanh toán các giai đoạn
III HOÀN THÀNH	
1	Hồ sơ hoàn thành công trình (Quyết toán A-B các hợp đồng, bản vẽ hoàn công, kết quả thí nghiệm, chứng chỉ hợp quy, hợp chuẩn, xuất xưởng các vật liệu, các biên bản nghiệm thu công việc thi công, nhật ký thi công)
2	Báo cáo hoàn thành công trình
3	Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu
4	Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu
5	Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng
6	Tờ trình thẩm tra quyết toán + Báo cáo quyết toán
7	Biên bản thẩm tra quyết toán
8	Kết quả thẩm tra quyết toán
9	Quyết định phê duyệt quyết toán công trình